

PHỤ LỤC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Tổng số	Số tiền theo từng quyết định							Ghi chú
			Quyết định số 5256/QĐ-UBND ngày 30/06/2023	Quyết định số 5257/QĐ-UBND ngày 30/06/2023	Quyết định số 5489A/QĐ-UBND ngày 04/07/2023	Quyết định số 6021/QĐ-UBND ngày 17/07/2023	Quyết định số 6022/QĐ-UBND ngày 17/07/2023	Quyết định số 6024/QĐ-UBND ngày 17/07/2023	Quyết định số 7234/QĐ-UBND ngày 15/08/2023	
1	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại bao gồm: Phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai, xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà ở	30.000.000	9.600.000	20.400.000	0	0	0	0	0	
a	Thành viên HĐBT và tổ công tác	30.000.000	9.600.000	20.400.000	0	0	0	0	0	
	- Ngày làm việc theo chế độ: 80.000 đồng/người/ngày	30.000.000	9.600.000	20.400.000						
	- Ngày làm việc ngoài giờ: 160.000 đồng/người/ngày	0								
b	Cán bộ thôn, xóm, khu vực, bản, làng ở địa phương (120.000 đồng/người/ngày)	0								
2	Chi thẩm định phương án bồi thường, dự toán và quyết toán	56.110.000	17.793.000	32.444.000	92.000	1.179.000	1.772.000	1.571.000	1.259.000	
	- Thẩm định phương án bồi thường GPMB (70%)	39.276.000	12.455.000	22.711.000	64.000	825.000	1.240.000	1.100.000	881.000	
	- Thẩm định dự toán và quyết toán chi phục vụ GPMB (30%)	16.834.000	5.338.000	9.733.000	28.000	354.000	532.000	471.000	378.000	
3	Chi bồi dưỡng cho các thành viên Hội đồng và tổ công tác tham gia các cuộc họp thông qua phương án, giải quyết vướng mắc và các công việc liên quan đến BT GPMB (120.000 đồng/ người/buổi)	10.800.000	3.600.000	7.200.000						
4	Chi phí phục vụ kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong ngày công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường (80.000 đồng/người/ngày)	34.400.000	12.000.000	20.400.000			2.000.000			
5	Chi in ấn, photo hồ sơ tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc và xăng xe	24.345.000	6.111.000	8.788.000	260.000	2.357.000	1.169.000	3.142.000	2.518.000	
6	Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	12.750.000	4.275.000	8.100.000	0	0	375.000	0	0	
a	Chi phí khác (nước uống, cọc tre, sơm, thuốc, cước phí bưu chính, công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác,...)	12.750.000	4.275.000	8.100.000			375.000			
7	Chi để lại cân đối chi thường xuyên	449.181.000	142.342.000	259.552.000	1.040.000	9.429.000	14.178.000	12.566.000	10.074.000	
	Tổng cộng	617.586.000	195.721.000	356.884.000	1.392.000	12.965.000	19.494.000	17.279.000	13.851.000	0

Bảng chữ: Sáu trăm mười bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng/.